

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày: 25 - 10 - 2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm;

Ông Lý Thanh Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q; Cư trú: Số 16, ấp Phước L, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn Ấ;

2. Bà Huỳnh Thị T;

Cùng cư trú: Ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (các bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Vào ngày 24 tháng 01 năm 2005 (âm lịch), vợ chồng ông Phan Văn Ấ, bà Huỳnh Thị T có vay của bà Lê Thị Q 5,5 chỉ vàng 24K, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay là để chi tiêu trong gia đình, thời hạn vay là khi nào bà Q cần tiền thì vợ chồng ông Ấ, bà T phải trả lại cho bà Q, việc vay không có làm giấy

tờ. Tuy nhiên, sau khi vay ông Á, bà T có đóng lãi cho bà Q được ba lần là 2,5 chỉ vàng 24K, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 10/02/2010 đóng lãi 01 chỉ vàng 24K.
- Lần 2: Vào ngày 23/02/2013 đóng lãi 05 phân vàng 24K.
- Lần 3: Vào ngày 05/7/2017 đóng lãi 01 chỉ vàng 24K.

Sau đó, vợ chồng ông Á không đóng lãi cũng như không trả vàng vay cho bà Q, bà Q đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Á, bà T trả vàng cho bà Q nhưng ông Á, bà T vẫn không trả, ông Á, bà T cho rằng đã trả cho bà Q rồi.

Bà Lê Thị Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Phan Văn Á, bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà Lê Thị Q 5,5 chỉ vàng 24 K (vàng vốn), bà Q không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn Á trình bày:

Ông Á thừa nhận vào năm 2005 (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng) ông Á và bà T có hỏi vay của bà Q 5,5 chỉ vàng 24K, mục đích là để chăn nuôi vịt, khi vay vàng không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến.

Sau khi vay ông Á và bà T đã trả đủ vốn vay cho bà Q là 5,5 chỉ vàng 24K, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ông Á, bà T trả cho bà Q 0,5 chỉ vàng 24K (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng năm);
- Lần thứ 2: Ông Á, bà T trả cho bà Q 01 chỉ vàng 24K (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng năm);
- Lần thứ 3: Ông Á, bà T trả cho bà Q 01 chỉ vàng 24K (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng năm);
- Lần thứ 4: Ông Á và bà T trả cho bà Q 01 chỉ vàng 24K (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng năm);
- Lần thứ 5: Vào năm 2018 ông Á, bà T trả cho bà Q 02 chỉ vàng 24K (Ông Á không nhớ rõ ngày tháng).

Đồng thời ông Á, bà T đã trả lãi cho bà Q trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến năm 2010, với số lãi là 4,6 chỉ vàng 24K/năm, tổng cộng ông Á, bà T đã trả cho bà Q được 23 chỉ vàng 24K. Khi ông Á, bà T trả vàng cho bà Q không có làm biên nhận cũng không có ai chứng kiến. Ông Á không có yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng cho bà Q.

Ông Á không đồng ý với yêu cầu của bà Q vì hiện nay ông Á, bà T không còn nợ vàng của bà Q.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Á, nguyên nhân bà Q khởi kiện bà T, ông Á là do bà Q yêu cầu bà T và ông Á trả cho bà Q thêm 01 chỉ vàng 24K

nhưng bà T và ông A không đồng ý. Bà T không đồng ý với yêu cầu của bà Q vì hiện nay ông A, bà T không còn nợ vàng của bà Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, các bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số vàng vốn vay là 5,5 chỉ vàng 24K được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử là 4.180.000 đồng/01 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số vàng vay. Trong quá trình vay các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số vàng vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng).

[3] Các bị đơn ông A, bà T thừa nhận các bị đơn có vay vàng của nguyên đơn, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu các bị đơn trả số vàng vay cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng. Do đó, các bị đơn vay 5,5 chỉ vàng 24K (98%) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 4.180.000/01 chỉ vàng 24K. Căn cứ quy định này nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 5,5 chỉ vàng 24K (98%) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử là có căn cứ.

[5] Các bị đơn phản đối cho rằng: Các bị đơn có thỏa thuận với nguyên đơn vay vàng nhưng các bị đơn đã trả dứt điểm 5,5 chỉ vàng 24K cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của các bị đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Các bị đơn thừa nhận có vay vàng của nguyên đơn, nguyên đơn thống nhất nhưng các bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn rồi nhưng nguyên đơn không thừa nhận, khi trả không có làm giấy cũng không ai chứng kiến, ngày tháng năm trả các bị đơn cũng không biết, nguyên đơn chỉ thừa nhận các bị đơn có trả lãi ba lần là 2,5 chỉ vàng 24K. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho các bị đơn cung cấp chứng cứ, đã hết thời hạn cung cấp chứng cứ mà các bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, Tòa án triệu tập các bị đơn để lấy lời khai lý do vì sao không cung cấp chứng cứ nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do. Cho nên phản đối của các bị đơn là không có căn cứ.

[6] Trong quá trình vay các bị đơn cho rằng đã đóng lãi cho nguyên đơn từ năm 2006 đến năm 2010, một năm là 4,6 chỉ vàng 24K x 05 năm = 23 chỉ vàng 24K khi trả cũng không làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến, các bị đơn không nhớ ngày tháng trả. Tại phiên tòa các bị đơn thống nhất không có yêu cầu xem xét lại phân lãi đã đóng cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí, do nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; Các bị đơn liên đới phải chịu án phí là 1.149.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q. Buộc các bị đơn ông Phan Văn Á, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q 5,5 chỉ (năm chỉ năm phân) vàng 24K (98%). Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 22.990.000 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.149.500 đồng.
- Nguyên đơn bà Lê Thị Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh